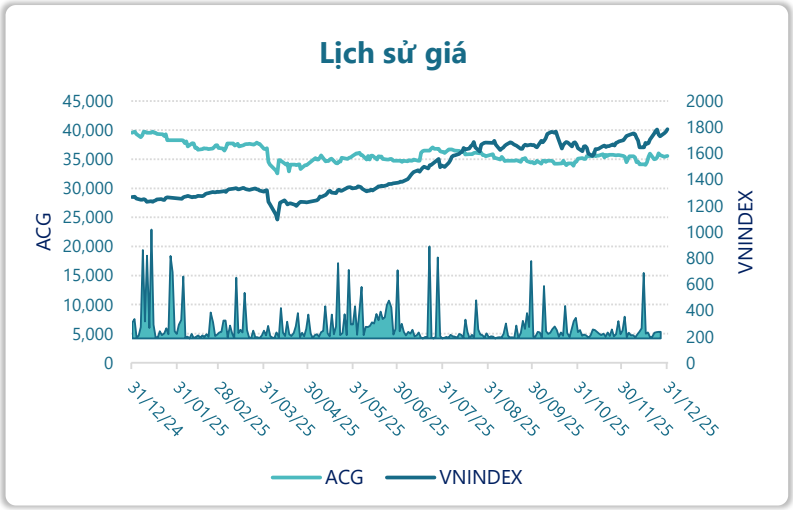
FireAnt

CTCP Gỗ An Cường (HSX: ACG)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**35,550**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,740
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	32,549
SL cổ phiếu LH	150,787,946
KLGD BQ 20 phiên (CP)	46,175
% sở hữu nước ngoài	38.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,361
P/E	10.6
EPS	3,342

DT thuần

Q4/25

1,668

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 491| 41.7%

YoY: ▲ 452| 37.2%

LN sau thuế

Q4/25

146

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.0| 7.8%

YoY: ▲ 55.9| 61.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

14.9%

+/- YoY: ▲ 1.0%

DT thuần

2025

4,609

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 628| 15.8%

LN sau thuế

2025

504

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 84.0| 19.9%

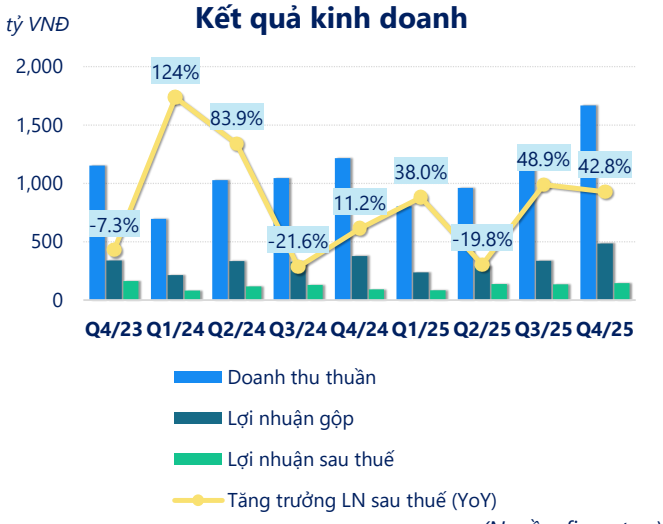
ROE

2025

11.7%

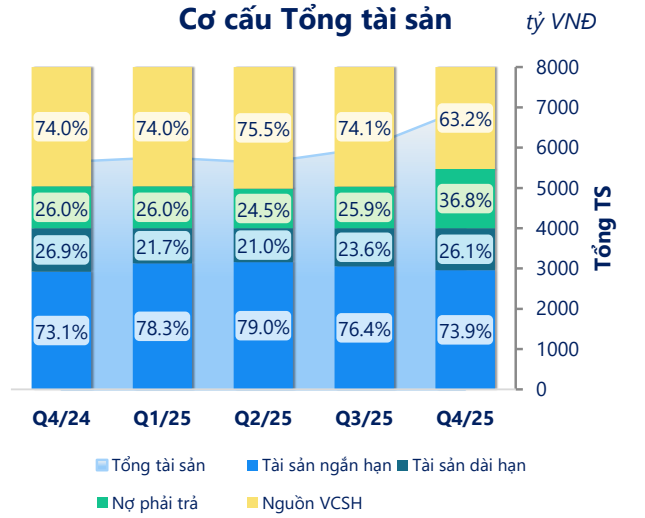
+/- YoY: ▲ 1.7%

Kết quả kinh doanh



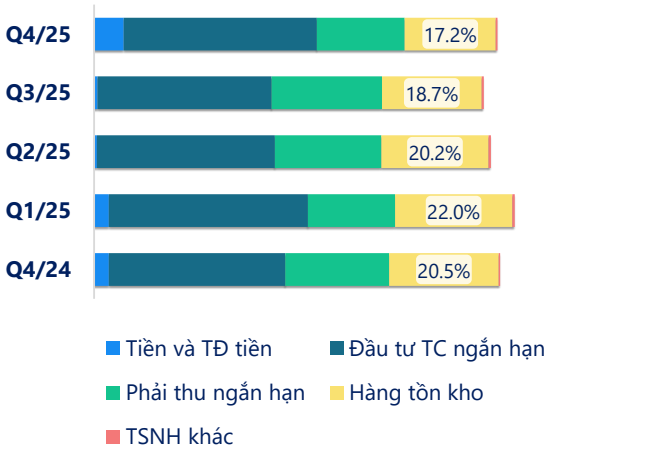
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



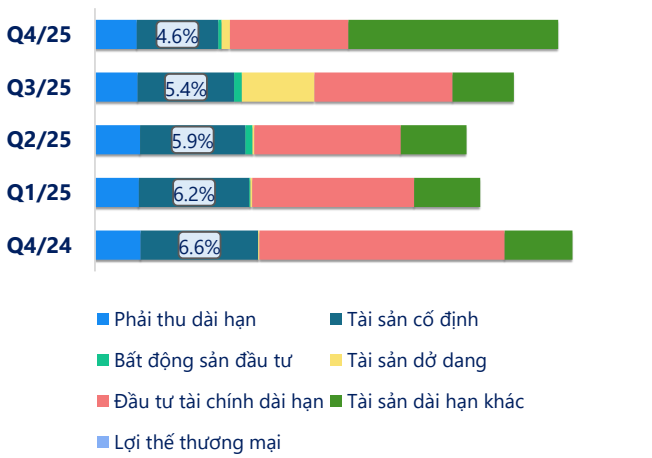
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



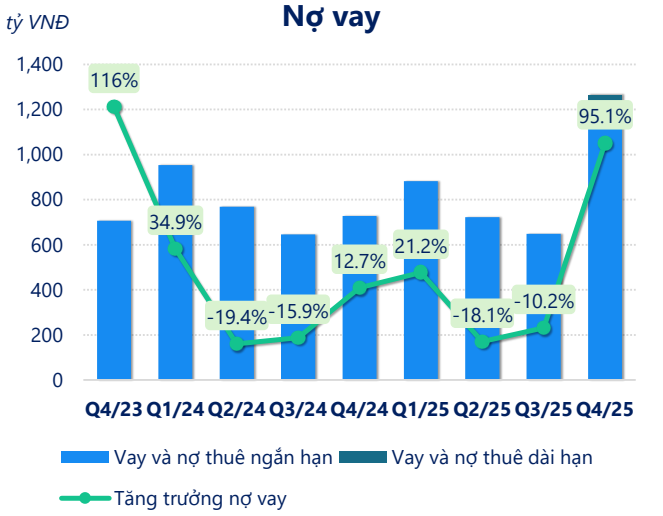
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



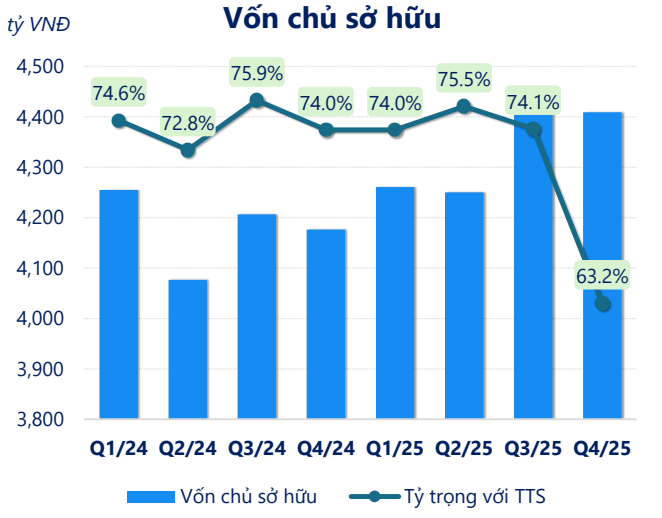
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



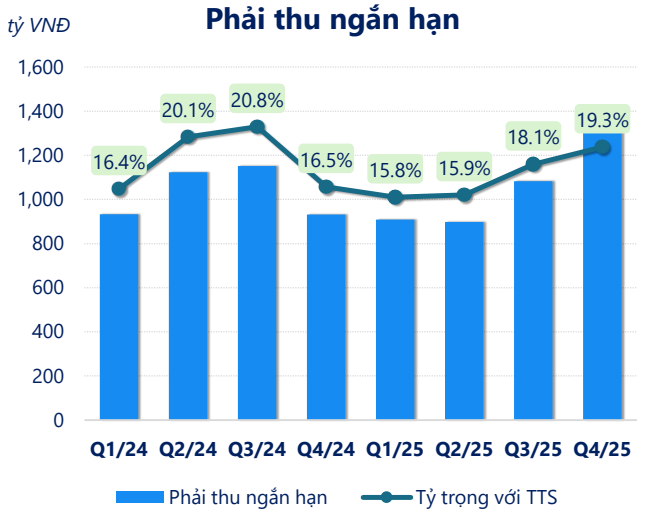
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



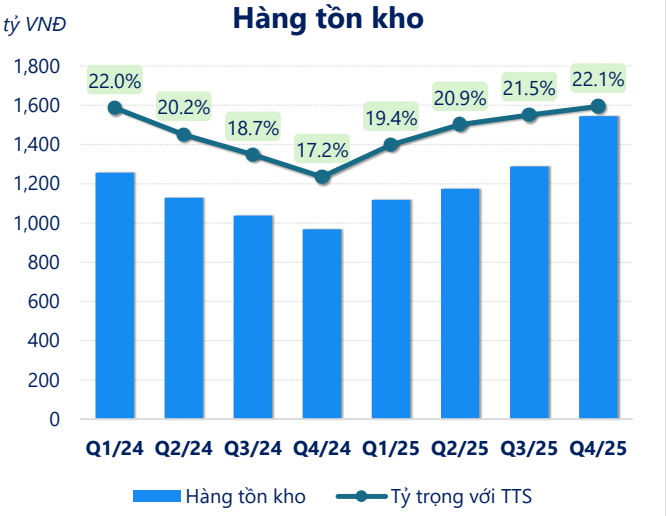
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



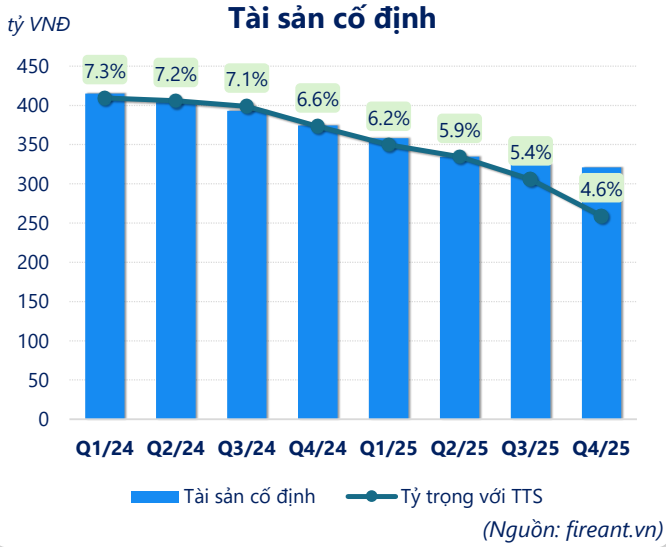
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



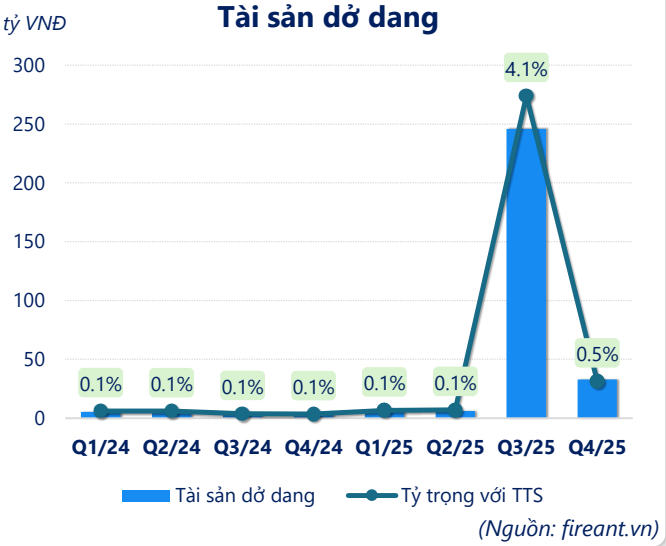
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



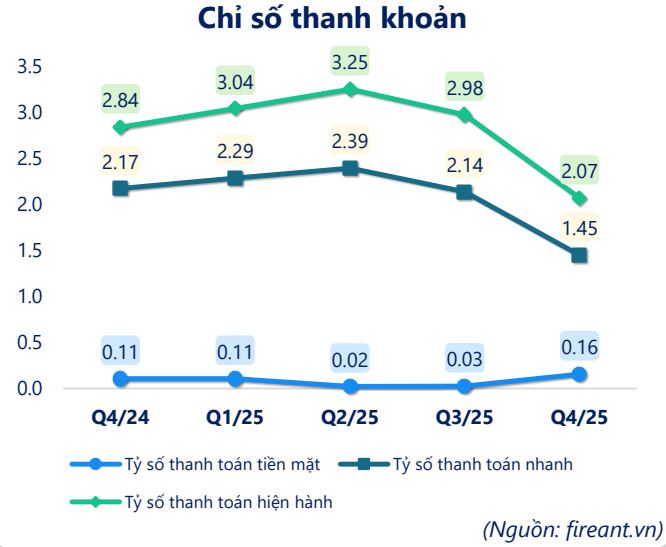
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



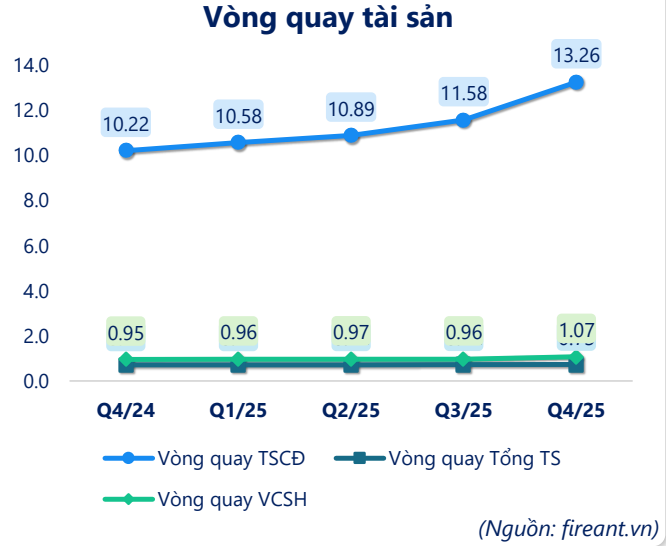
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**5,640**	**5,755**	**5,628**	**5,981**	**6,972**
Tài sản ngắn hạn	**4,120**	**4,505**	**4,448**	**4,568**	**5,150**
Tiền và tương đương tiền	155	160	30.5	38.9	388
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,048	2,274	2,295	2,081	1,765
Phải thu ngắn hạn	932	908	897	1,083	1,348
Hàng tồn kho	968	1,119	1,173	1,288	1,544
Tài sản ngắn hạn khác	16.7	43.7	50.9	77.0	106
Tài sản dài hạn	**1,520**	**1,251**	**1,180**	**1,413**	**1,822**
Phải thu dài hạn	146	143	143	145	164
Tài sản cố định	374	358	335	325	321
Bất động sản đầu tư	0	4.17	22.8	25.6	13.2
Tài sản dở dang	3.05	5.83	6.08	246	32.9
Đầu tư tài chính dài hạn	780	525	465	466	466
Tài sản dài hạn khác	217	214	209	206	825
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,464**	**1,494**	**1,378**	**1,548**	**2,563**
Nợ ngắn hạn	**1,451**	**1,481**	**1,367**	**1,535**	**2,489**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	728	882	722	648	1,209
Phải trả người bán ngắn hạn	318	327	267	461	819
Nợ dài hạn	12.8	13.5	10.4	12.6	73.8
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	56.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,176**	**4,261**	**4,250**	**4,434**	**4,409**
Vốn chủ sở hữu	**4,176**	**4,261**	**4,250**	**4,434**	**4,409**
Vốn điều lệ	1,508	1,508	1,508	1,508	1,508
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)